

Bản án số: 282/2020/HS-ST
Ngày 24- 7- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 23 và 24 tháng 7 năm 2020 tại Hội trường A, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 214/2020/HSST ngày 21 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Đặng Văn N, sinh năm 1983, tại tỉnh Khánh Hòa; thường trú: Thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh K; nghề nghiệp: Nhân viên thu tiền; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn A, đã chết và bà Đặng Thị P, sinh năm 1964; có 02 em, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994; có vợ tên Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1988; có 01 con sinh năm 2010 tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án 87/2019/HSST, ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai bị cáo bị xử phạt 04 (bốn) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 26/08/2019, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Phạm Quốc D, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

2. Mạc Tuyết N, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

3. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Phan Văn Đ; vắng mặt.
2. Võ Văn H; vắng mặt.
3. Phạm Thị T; vắng mặt.
4. Lê Tuấn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 22/10/2018, N đang ở Thành phố Hồ Chí Minh thì nhận được điện thoại của chị L, nhờ N vận chuyển số thùng phuy và bồn nhựa từ thành phố D, tỉnh Bình Dương đến thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, N có ý định chiếm đoạt số tài sản của chị L nên nói N đang ở thành phố Đà Nẵng và nói chị L gọi điện thoại cho H qua số máy 0889.963.622 để liên lạc nhận chở hàng. Chị L gọi số máy 0889.963.622 thì người nghe điện thoại nói tên H, là bạn của N và đồng ý nhận chở hàng. Chị L tin tưởng và đã gọi điện thoại cho vợ chồng anh Lê Tuấn T và Phạm Thị T ở D, Bình Dương nói người nhận chở hàng tên H và cho số điện thoại của vợ chồng anh T và địa chỉ nhận hàng tại cơ sở Th, thành phố D để H đến nhận hàng.

Tối ngày 22/10/2018 N sử dụng số điện thoại 0889.963.622 gọi cho anh T nói với anh T là người chở hàng thuê cho chị L, tên là H đang trên đường đến nhận hàng. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Nhi điều khiển xe ô tô biển số 79C-02887 đến cơ sở Th, chị T vợ anh T điện thoại cho chị L để cho chị L xác nhận. Chị L và vợ chồng anh T tưởng N là H thật nên giao cho N 117 thùng phuy nhựa, 01 bồn nhựa và 01 bồn nhựa có khung kim loại bảo vệ. N ký vào phiếu xuất kho đã nhận hàng tên H và ghi vào phiếu xuất kho nhận hàng số điện thoại 0889.963.622. Đến sáng ngày 23/10/2018, N chở số hàng trên đến cơ sở thu mua phế liệu của vợ chồng ông Phạm Quốc D và bà Mạc Tuyết N, địa chỉ phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bán 117 thùng phuy nhựa, 01 bồn nhựa có khung kim loại bảo vệ cho ông D 24.000.000 đồng còn 01 bồn nhựa ông D không mua nên N để lại cơ sở thu mua phế liệu của ông D. Sau khi mua được số tài sản trên ông D bán lại cho ông Nguyễn Hữu T ở phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, sau đó ông T bán cho nhiều người không rõ lai lịch nên không thu hồi được. 01 bồn nhựa N để ở địa chỉ nhà ông D, ông D bán ve chai nên không thu hồi được.

Ngày 26/08/2019 Nhi đến Công an Thành Phố C đầu thú và bị tạm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 42 ngày 20/05/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C: 117 thùng phuy nhựa, trị giá 42.120.000 đồng; 01 bồn nhựa có khung kim loại bảo vệ trị giá 900.000 đồng, 01 bồn nhựa trị giá 300.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 314 ngày 24/06/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Khánh Hòa kết luận về mẫu chữ:

1. Chữ viết tên “H”, dãy chữ số “0889963622” dưới mục “Người nhận hàng” trên “phiếu xuất kho” có số “0003507”, đề tên “cơ sở Th”, ngày 22/10/2018 (tài liệu ký hiệu A) so với chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh đúng tên Đặng Văn N ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo N bồi thường cho bị hại L số tài sản N chiếm đoạt không thu hồi được trị giá 43.320.000 đồng. Chị L đã nhận tiền và xin giảm nhẹ hình phạt cho N.

Đối với điện thoại di động hiệu Itel sim số 0332.797.838 của N dùng vào việc phạm tội.

Xe ô tô biển số 79C-02887, N dùng vào việc phạm tội, đã trả lại cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số 248/CT-VKS-DA ngày 19/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và 2 Điều 51 và Điều 56 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Trước khi hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 117 thùng phuy nhựa, trị giá 42.120.000 đồng; 01 bồn nhựa có khung kim loại bảo vệ trị giá 900.000 đồng, 01 bồn nhựa trị giá 300.000 đồng. Tổng trị giá 43.320.000 đồng của

chị Nguyễn Thị L, tại địa chỉ cơ sở Th, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào lúc 22 giờ ngày 22/10/2018 của Đặng Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 248/CT-VKS-DA ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Đặng Văn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đầu thú và bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu; ngày 06/6/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử 04 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo bản án 87/2019/HSST.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động hiệu ITEL sim số 0332.797.838 bị cáo N dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước và tiêu hủy.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo và vấn đề xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và 2 Điều 51 và Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 02 (hai) năm tù.

Bị cáo Đặng Văn N phải chấp hành hình phạt của bản án số 87/2019/HSST, ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai là 04 (bốn) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Đặng Văn N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/08/2019;

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ITEL.

Tịch thu tiêu hủy sim số 0332.797.838.

(theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/5/2020, bút lục 259)

3. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Văn N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND tp D (01);
- Công an tp D (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS tp D (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND xã nơi bị cáo TT (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân